

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		C10+BK21+P6	7:25	22+0+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	chuyen 2 bk21-p6
2		P8+CTK3+GT1	7:25	20+2+0	0+0+0		15+6+1	0+0+0	chuyen 1 ctk3-gtc1
3		MRM+PVD1	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
4		TD2+BK14+RC3	9:25	20+1+0	0+0+0		18+3+1	0+0+0	
5		PVD1+TD1 <i>Py</i>	9:25	5+17	0+0		<i>Đ</i> 19 + <i>2</i>	0+0	
6		PVD1+RC5+RP1	9:25	19+1+0	0+0+0		15+3+0	0+0+0	chuyen 1 Rc5-Rp1
7		P9+P2+CTK3	11:25	16+1+4	0+0+0		15+0+7	0+0+0	
8		T.UNG	12:25	7	0		15	0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người bk21 về đi Rc5, 1 người gtc1 về đi P2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2023	TO: CLO - BK21 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHMAKOV ALEXANDER	CLO	18	1	5		80	KHOAN	Russian
2	LUÔNG NGỌC KHUÔNG	CLO	05-06	2	8		76	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	10	1	7		95	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG TRƯỞNG	CLO	55	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN THANH TÂM	CLO	07	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG BẰNG	CLO	14	1	10		79	KHOAN	Vietnamese
7	TÔ ANH TUÂN	CLO	09	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM TẤT LỰC	CLO	03-04	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	21	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN ĐÌNH	CLO	12-13	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ MINH HIỆP	CLO	11	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	28	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HUY TUYẾN	CLO	15	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	01-02	2	15		63	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN DẠNG KHOA	CLO	08	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	CLO	24-25	2	16		83	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC BẢO	CLO	19-20	2	20		83	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIỆP	CLO	22-23	2	18		74	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC LONG	CLO	16-17	2	15		68	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU ĐỨC	CLO	58-59	2	21		79	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM HUY ĐÌNH	CLO	26-27	2	14		62	T-TIN	Vietnamese
22	QUÁCH VĂN THAO	CLO	56-57	2	13		74	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	33	237	1.622	0	17		CHUYEN 2 PAX BK21-P6
2	BK21	0	0	0	0	30	2+2		
3	P6	0	0	0	0	35	3		
TOTAL		22	33	237	1.622	65	22		
WEIGHT KG				237	1.622	65			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P8 - CTK3 - GTC1	CREW: HUNG - NPhú - Vũ	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIệp PHI	P8					78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P8					62	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THÀNH	P8					60	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẬU VĂN MINH	P8					78	KHOAN	Vietnamese
5	NHÂM ĐỨC QUANG	P8	08	1	5	50	75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU NAM	P8	07	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY LINH	P8	09-10	2	15		95	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN THANH	P8	06	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG NHẬT QUANG	P8					62	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TUYẾN	P8					80	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN MẠNH	P8	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN HOÀ	P8	03	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH TRUNG NGHĨA	P8	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HUY	P8	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P8	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ MINH HOANG	P8	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN QUANG VŨ	P8	15	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC SANG	P8	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	KRAVTSOV ALEXANDR	P8	04	1	5		77	DVL	Russian
20	PHẠM VĂN TUÔNG	P8	01	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3	100	1	5		72	SBAY	Vietnamese
22	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	99	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	20	15	80	1.447	50	16		CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG GTC1 1 NB THAY CA CTK3 NGOI GHE PHU
2	CTK3	2	2	10	144	0	5+1		
3	GTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	17	90	1.591	50	22		
WEIGHT KG				90	1.591	50			

GRAND TOTAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2023	TO: MRM - PVD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Lhài - KHAI - TDUNG -	ETA: 09:20
VANG-1		HIÊU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EREMEEV EVGENYY	MRM	34	1	15		95	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN DUONG	MRM	73	1	10	16	87	HALLIBUR	Vietnamese
3	DMITRII MIKHAILOV	MRM	76-77	2	20		120	HALLIBUR	Russian
4	LE TRUNG SON	MRM	98	1	6		75	ĐH	Vietnamese
5	PHAM HUU HUAN	MRM	95	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
6	MAI DAI HAI	MRM	33	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
7	MULNIUCHKIN V.V	MRM	96	1	15		93	KHOAN	Russian
8	NGUYEN VAN NAM (KS)	MRM	49	1	20		70	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN NAM	MRM	97	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
10	LE PHU PHUC	MRM	99	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
11	LE NGUYEN TRONG NGHI	PVD1	12	1	3	40	87	PVD LOGGI	Vietnamese
12	VU THE CONG	PVD1	13-14	2	20		64	PVD LOGGI	Vietnamese
13	LE DAC VU	PVD1	15	1	9		82	PVD LOGGI	Vietnamese
14	DOAN ANH QUYET	PVD1	16	1	13		81	PVD LOGGI	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC LE	PVD1	11	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
16	TRUONG QUOC THANG	PVD1	09-10	2	18		79	DVL	Vietnamese
17	TRAN QUOC DUNG	PVD1	07-08	2	12		80	PVD-DD	Vietnamese
18	CHU HOANG HAI	PVD1	12-13	2	9		56	PVD INVE\$	Vietnamese
19	DO THANH TUNG	PVD1	05	1	11		65	PVD DD	Vietnamese
20	NGUYEN DAI DUONG	PVD1	03-04	2	10		70	OLES JSC	Vietnamese
21	DO VAN BANG	PVD1	11	1	6		63	OLES JSC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	11	122	818	16	8		
2	PVD1	11	16	118	802	40	14		
TOTAL		21	27	240	1.620	56	22		
WEIGHT KG				240	1.620	56			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: TD2 - BK14 - RC3	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	81	1	12	25	98	KHOAN	Russian
2	BUI VĂN CHÍNH	TD2					88	KHOAN	Vietnamese
3	VUONG DINH LIEN	TD2	67	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VAN BAC	TD2	72	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN CUONG	TD2	82	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC DO	TD2	63	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET CHIEN	TD2	66	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	QUACH VAN TOI	TD2	69-70	2	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN THANG	TD2	79	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
10	TRUONG DUC MANH	TD2	76	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	64	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN BINH LONG	TD2	68	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VAN SY	TD2	74-75	2	8		73	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG MINH QUAN	TD2	83	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN HUY THAN	TD2	65	1	6		67	CODIEN	Vietnamese
16	ĐANG VIET CUONG	TD2	73	1	9		72	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HAI	TD2	71	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
18	SIDORSKIY DMITRY	TD2	80	1	16		95	ANTOAN	Russian
19	DO MINH TUAN	BK14	18-19	2	20		75	SCHLUMB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	19	118	1.374	25	18		
2	BK14	1	2	20	75	0	3		
3	RC3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	21	138	1.449	25	22		
WEIGHT KG				138	1.449	25			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2023	TO: PVD1 - TD1 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HƯNG - NPhú - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ DUY PHÚC	PVD1	24	1	7		58	OLES JSC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUANG	PVD1	22-23	2	10		54	OLES JSC	Vietnamese
3	ĐOÀI DUY DUONG	PVD1	21	1	6		72	PVDO	Vietnamese
4	ĐO VĂN ĐẠT	PVD1	20	1	5		57	PVDO	Vietnamese
5	BUI MINH TUAN	PVD1	19	1	4		73	PVDO	Vietnamese
6	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1					110	KHOAN	Russian
7	NGUYỄN THIỆN TUÂN	TD1	92	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
8	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	92-93	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
9	TRÌNH HỮU NGHĨA	TD1	86	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO NGỌC SƠN	TD1	84	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO QUANG LỤC	TD1	88	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	87-91	5	15		69	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐOÀI	TD1	94	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ QUÝ VINH	TD1	93	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	87	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THAI	TD1	94	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN DUY TÂN	TD1	90-91	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	89	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
19	BUI NGỌC QUANG	TD1	95	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VIỆT THANH	TD1	96	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	97	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
22	MAI HUY TỬ	TD1	98-99	2	15		61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	5	6	32	314	0	0		
2	TD1	17	23	118	1.238	0	19		
3	P4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	29	150	1.552	0	22		
WEIGHT KG				150	1.552	0			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: PVD1 - RC5 - RP1	CREW: LHM - KHAI - TDUNG -	ETA: 11:30
VANG-2		HIU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐAM QUANG THANH	PVD1	09	1	5		75	PVDO	Vietnamese
2	PHAN VAN MANH	PVD1	18	1	5		60	PVDO	Vietnamese
3	PHAM TAN DIEN	PVD1	06-07	2	10		62	PVDO	Vietnamese
4	LUU VAN MANH	PVD1	15	1	5		60	PVDO	Vietnamese
5	VU THANH TUAN	PVD1	08	1	8		68	PVDO	Vietnamese
6	NGUYEN BINH DAN	PVD1	02	1	5		67	PVDO	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUNG	PVD1	19	1	5		68	PVDO	Vietnamese
8	NGUYEN THANH NHAN	PVD1	05	1	5		60	PVDO	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG DUNG	PVD1	04	1	5		82	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC LAM	PVD1	14	1	10		60	PVDO	Vietnamese
11	TRAN VAN DUC	PVD1	12	1	5		70	PVDO	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC HUY	PVD1	16-17	2	15		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC TINH	PVD1	20	1	5		80	PSV	Vietnamese
14	DO DUC HIEN	PVD1	21	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	LU THANH TINH	PVD1	03	1	7		65	SOUTHW	Vietnamese
16	TRAN CONG MINH	PVD1	01	1	5		80	PVD INVE	Vietnamese
17	KHUC THAI HOA	PVD1	13	1	10		65	DMC-MI	Vietnamese
18	ĐANG MINH SON	PVD1	11	1	10		65	BHI	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN VINH	PVD1	10	1	10		92	DVL	Vietnamese
20	HA VAN CANH	RC5	98-99	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LY HUU THANH	RC5	92-93	2	18	50	65	XLAP	Vietnamese
22	LUU QUY DUNG	RC5	94	1	12		50	XLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	21	135	1.319	0	18		CHUYEN 1 PAX RC5-RP1
2	RC5	3	5	48	180	50	3	1	
3	RP1	0	0	0	0	7	0		
TOTAL		22	26	183	1.499	57	21		
WEIGHT KG				183	1.499	57			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 7	TO: P9 - P2 - CTK3	CREW: Linh - MTHAO - DTùng	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	P9	73	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HAI HUNG	P9	62-63	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
3	LE DINH HIEU	P9	71	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN HUU KHUYEN	P9	65-66	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN THU	P9	64	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH HUU HIEU	P9	59-60	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
7	TRINH DAC HUNG	P9	61	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	DAO HUU TUYEN	P9	69-70	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
9	DAO VAN HOAN	P9	67-68	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
10	VU DINH HUNG	P9	57-58	2	18	40	65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LONG	P9	55-56	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC LONG	P9	72	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LE HUY	P9	74-75	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN NHAN	P9	53-54	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN THANG	P9	52	1	5		60	NIPI	Vietnamese
16	BUI DINH PHI	P9					67	NIPI	Vietnamese
17	DUONG CHI TUYEN	P2	11	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	VU CONG KHANG	CTK3	94	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM XUAN HOA	CTK3					78	YTE	Vietnamese
20	HOANG VIET ANH	CTK3	95	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	HA VAN HAI	CTK3	96-98	3	18		78	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	16	24	225	1.089	40	15		
2	P2	1	1	12	68	0	0		
3	CTK3	4	5	33	291	0	7		
TOTAL		21	30	270	1.448	40	22		
WEIGHT KG				270	1.448	40			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:45
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HLONG - TRƯỜNG	ETA: 16:00
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THE HUNG	T.UNG	04	1	10	47	80	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYEN DINH TRUNG	T.UNG	05-07	3	18	70	72	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN PHONG	T.UNG	09-10	2	12		67	T-TIN	Vietnamese
4	ĐOAN ĐẶC TUY	T.UNG	02	1	4		60	PSV	Vietnamese
5	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	03	1	5		55	PSV	Vietnamese
6	TÔ CÔNG MINH	T.UNG	08	1	5		58	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN CHUONG	T.UNG	01	1	3		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	7	10	57	456	117	15		
TOTAL		7	10	57	456	117	15		
WEIGHT KG				57	456	117			

GRAND TOAL: 630 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN